

dung cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nêu trên.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Tổ công tác thi hành Luật Doanh nghiệp và các cơ quan có liên quan tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp luật về kinh doanh, trình Thủ tướng Chính phủ danh mục các văn bản cần bãi bỏ hoặc cần sửa đổi, bổ sung trước tháng 6 năm 2001.

5. Để cao kỷ luật hành chính trong thi hành Luật Doanh nghiệp:

a) Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt đầy đủ nội dung và ý nghĩa của Luật Doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về việc thi hành đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành trong phạm vi ngành, địa phương.

b) Trường hợp các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có những nội dung không phù hợp, hoặc cán bộ, công chức làm trái các quy định hiện hành thì kiến nghị các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý; đồng thời thông báo cho Tổ công tác thi hành Luật Doanh nghiệp (theo địa chỉ: 68 Phan Đình Phùng, Hà Nội, điện thoại 080.44929) để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổ công tác thi hành Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này và hàng quý báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện những yêu cầu trên đây, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với hoạt động của doanh nghiệp./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 02/2001/QĐ-TTg ngày 02/1/2001 về chính sách hỗ trợ đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển đối với các dự án sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu và các dự án sản xuất nông nghiệp.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2000/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2000 của Chính phủ và Nghị quyết số 09/2000/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2000 của Chính phủ về một số chủ trương và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các dự án sau đây (không phân biệt địa bàn đầu tư) được vay vốn tín dụng đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển:

- Dự án sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu;
- Các dự án sản xuất nông nghiệp như cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn, thủy sản, sản xuất muối và phát triển công nghiệp chế biến.

Điều 2. Về mức vốn vay.

1. Đối với dự án nhóm A, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ.

2. Đối với dự án khác, Quỹ hỗ trợ phát triển xem xét hiệu quả và khả năng trả nợ của dự án

để quyết định mức cho vay nhưng tối đa không được quá 90% tổng số vốn đầu tư của dự án.

Điều 3. Đối với các dự án nêu tại Điều 1 Quyết định này, Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển thực hiện bảo lãnh đến 100% khoản vay từ các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 4. Chủ đầu tư được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm tiền vay hoặc bảo đảm cho bảo lãnh. Khi chưa trả hết nợ, chủ đầu tư không được chuyển nhượng, bán, cho, tặng, thế chấp, cầm cố hoặc bảo đảm cho bảo lãnh để vay nơi khác.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Những dự án nêu tại Điều 1 của Quyết định này đã vay vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển hoặc được Quỹ bảo lãnh trước ngày Quyết định này có hiệu lực cũng được thực hiện việc cho vay đầu tư theo Quyết định này.

Các nội dung khác không quy định trong Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ và các quy định hiện hành về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển và Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 182/2000/QĐ-BTC ngày 14/11/2000 về việc quy định thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng đèn hình phẳng Trinitron theo Cơ cấu AICO.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa VIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 26 tháng 12 năm 1991;

Căn cứ Hiệp định khung về Hợp tác công nghiệp ASEAN do các Bộ trưởng kinh tế các nước ASEAN ký ngày 27 tháng 4 năm 1996 tại Xing-ga-po;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại các Công văn số 1896/VPUB ngày 22/4/1996 về Hiệp định hợp tác công nghiệp ASEAN; Công văn số 1746/VPCP-TCQT ngày 05/5/2000 về việc thành lập cơ cấu AICO và Công văn số 3186/CV-HTQT ngày 16/8/2000 về việc tổ chức thực hiện cơ cấu AICO của SONY;

Căn cứ Quyết định số 07/1998/QĐ-BCN ngày 02/2/1998 của Bộ Công nghiệp về việc ban hành Quy định về thẩm định phê chuẩn và quản lý thực hiện Cơ cấu hợp tác công nghiệp ASEAN (AICO) và Giấy chứng nhận sản phẩm AICO số Sony/2000/2 ngày 14/7/2000 do Ban Thư ký Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á cấp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công ty Vietronics Tân Bình của Việt Nam khi nhập khẩu Bóng đèn hình phẳng Trinitron (không có cuộn lái tia và cuộn khử từ)